

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Công trình : Nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh thủy lợi nội đồng năm 2024 trên địa bàn xã Kiến Quốc năm 2024

Gói thầu số 6: Xây lắp

Hợp đồng số: 25.10/2024/HĐ-TCXD ngày 25/10/2024

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Quốc

Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Các căn cứ xác định:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày.....

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá Hợp đồng	Thành tiền				Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện				Theo Hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,501	0	13,501	13,501	2.511.527	33.908.610	-	33.908.610	33.908.610	
2	Đào bùn trong mọi điều kiện, bùn lẫn rác	m3	337,532	0	337,532	337,532	288.909	97.516.110	-	97.516.110	97.516.110	
3	Đào xúc đất bằng máy đào 1,25m3, đất cấp II	100m3	13,355	0	13,355	13,355	1.181.113	15.774.596	-	15.774.596	15.774.596	
4	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	333,893	0	333,893	333,893	164.678	54.985.017	-	54.985.017	54.985.017	
5	Phát rừng tạo mặt bằng bằng thủ công. Phát rừng loại II, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng : > 5 cây	100m2	27,876	0	26,746	26,746	947.622	26.416.677	-	25.345.098	25.345.098	
6	Ca máy vận chuyển máy xúc, phao thép (đi, về)	ca	4	0	4	4	3.695.074	14.780.297	-	14.780.297	14.780.297	
7	Ca phao thép	ca	120	0	120	120	47.666	5.719.975	-	5.719.975	5.719.975	
8	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m, đường kính <=1000mm	đoạn ống	16	0	16	16	2.093.277	33.492.433	-	33.492.433	33.492.433	
9	Đắp đất lưng cống buy	m3	53,969	0	53,969	53,969	164.678	8.887.653	-	8.887.653	8.887.653	
	TỔNG CỘNG (đã bao gồm thuế VAT)							291.481.368	0	290.409.789	290.409.789	
	TỔNG CỘNG (đã bao gồm thuế VAT) LÀM TRÒN							291.481.000	0	290.409.000	290.409.000	

1. Giá trị hợp đồng:	291.481.000 đồng
2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:	- đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:	- đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:	290.409.000 đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:	- đồng
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:	290.409.000 đồng
Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng./.	
7. Lũy kế giá trị giải ngân:	290.409.000 đồng
Trong đó:	
- Tạm ứng:	- đồng
- Thanh toán khối lượng hoàn thành:	290.409.000 đồng

Kiến Quốc,, ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ